

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng,
Dự toán gói thầu xây dựng
Dự án: Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 152/TTr-BQL ngày 17/4/2020 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 799/SNN-QLXDCT ngày 16/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng, Dự toán gói thầu xây dựng, dự án Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát.

2. Nhóm dự án: Nhóm B.

3. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT; Cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung

6. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sỹ Đỗ Cảnh Hào

7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu công trình

7.1. Quy mô và giải pháp thiết kế:

- Đập dâng: Xây dựng đập dâng mới thay thế đập dâng cũ đã xuống cấp. Tuyến công trình cách tuyến đập dâng cũ 30m về phía thượng lưu. Kết cấu đập dâng bằng bê tông cốt thép M250, rộng 94,40m (kể cả trụ pin, trụ biên và khoang tràn tự do), bao gồm 08 cửa xả mỗi cửa rộng 9m, điều tiết bằng van phẳng bằng thép cao 3,2m, vận hành bằng tời chạy điện; hai bên vai đập bố trí 02 khoang tràn tự do, mỗi khoang rộng 3m. Xử lý nền móng thân đập bằng cọc bê tông cốt thép, chống thấm nền đập bằng cừ larsen. Trên đập có cầu giao thông rộng 4,0m, tải trọng H13 phục vụ quản lý vận hành và kết hợp giao thông.

- Công lấy nước và kênh tưới: Xây dựng mới hai công lấy nước đầu kênh Bắc và kênh Nam. Kiên cố hóa 1.984m kênh chính Nam và 149,50m kênh nhánh cấp 1; Kiên cố hóa 60,5m kênh chính Bắc, kết cấu bằng BTCT M200, mặt cắt hình chữ nhật.

- Nhà quản lý vận hành: Xây dựng nhà quản lý vận hành phía bờ tả, kết cấu khung dầm bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 111,8m².

- Hệ thống điện quản lý vận hành: Xây dựng đường dây trung áp 22kV, chiều dài 0,512 km; 01 trạm biến áp công suất 100kVA-22/0,4kV và điện chiếu sáng.

- Đê thượng, hạ lưu đập: Xây dựng 2.067m đê, kè bờ tả và bờ hữu bảo vệ mái thượng, hạ lưu đập. Cao trình đỉnh đê thay đổi từ +7,10m đến +5,20m. Thân đê kết cấu bằng đất đắp đầm chặt K95. Mái phía sông kết cấu bằng đá hộc lát khan trong khung bê tông cốt thép M200, chân bằng lăng thể đá hộc chống xói. Mái phía đồng trồng cỏ và gia cố bằng bê tông chống xói. Mặt đê kết cấu bằng bê tông M250, dày 20cm kết hợp giao thông.

* Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Các chỉ tiêu thiết kế		
1	Diện tích tưới thiết kế	ha	1.320
2	Cao trình mực nước lũ chính vụ tần suất thiết kế P=2%	m	6,09
3	Cao trình mực nước lũ chính vụ P=10%	m	5,61
4	Cao trình MNDBT	m	3,40
5	Lưu lượng lũ chính vụ P=10%	m ³ /s	768,04

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
II	Thông số kỹ thuật công trình		
II.1	Đập dâng		
1	Vị trí tuyến	Cách thượng lưu tuyến đập cũ 30m	
2	Hình thức	Đập có cửa điều tiết kết hợp tràn tự do	
3	Kết cấu đập		BTCT
4	Cao độ mực nước thiết kế trước đập (MNDBT)	m	+3,40
5	Cao độ sân trước	m	+0,20
6	Cao độ ngưỡng đập	m	+0,40
7	Cao độ đáy bể tiêu năng	m	-2,50
8	Cao độ sân sau	m	-1,50
9	Cao độ mặt cầu giao thông	m	+7,10
10	Cao độ sàn lắp máy đóng mở	m	+12,00
11	Số cửa xả sâu	cửa	08
12	Bề rộng một cửa	m	9,00
13	Kết cấu cửa van	Cửa phẳng thép	
14	Thiết bị đóng mở		Máy tời
15	Số cửa tràn tự do	cửa	02
16	Cao độ đỉnh ngưỡng tràn tự do	m	+3,40
17	Bề rộng một cửa tràn tự do	m	3,00
18	Tổng bề rộng thoát nước qua đập	m	91,40
19	Gia cố nền đập		Cọc BTCT
20	Chống thấm qua nền đập	Cừ larsen dài 6m	
21	Bề rộng ngang đập (kể cả trụ pin)	m	94,40
22	Chiều dài sân trước	m	10,00
23	Chiều dài ngưỡng đập	m	11,00
24	Chiều dài bể tiêu năng	m	16,50
25	Chiều dài gia cố sân sau	m	30,00
26	Hình thức tiêu năng	Tiêu năng đáy, bể tường kết hợp	
27	Chiều sâu bể tiêu năng	m	1,00
28	Chiều cao tường tiêu năng	m	0,40
29	Bề rộng cầu giao thông trên mặt đập	m	4,0
30	Tải trọng qua cầu		H13

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
31	Kết cấu cầu		Cầu dầm BTCT
II.2	Gia cố đê thượng hạ lưu đập	m	2.066,58
1	Chiều dài đê bờ tả	m	584,02
2	Chiều dài đê bờ hữu	m	1.482,56
3	Cao trình đỉnh đê bờ tả TL	m	7,10 ÷ 6,00
4	Cao trình đỉnh đê bờ tả HL		6,00 ÷ 5,20
5	Cao trình đỉnh tường chắn sóng đê bờ hữu TL	m	6,96 ÷ 6,50
6	Cao trình đỉnh mặt đê bờ hữu TL	m	6,31 ÷ 6,00
7	Cao trình đỉnh mặt đê bờ hữu HL	m	6,00 ÷ 5,21
8	Cao trình đỉnh đồng đá bờ tả TL	m	2,50 ÷ 0,20
9	Cao trình đỉnh đồng đá bờ tả HL	m	-1,50 ÷ 1,40
10	Cao trình đỉnh đồng đá bờ hữu TL	m	2,81 ÷ 0,20
11	Cao trình đỉnh đồng đá bờ hữu HL	m	-1,50 ÷ 1,40
12	Chiều rộng mặt đê bờ tả + bờ hữu	m	5,00
13	Chiều rộng đỉnh đồng đá	m	1,25
14	Hệ số mái đê phía sông		2,00
15	Hệ số mái đê phía đồng		1,50
16	Kết cấu thân đê	Đắp đất K=0,95	
17	Kết cấu mái đê phía sông	Đá hộc lát khan trong khung giằng BTCT	
18	Kết cấu mái đê phía đồng	Bê tông và trồng cỏ	
19	Kết cấu chân đê phía sông	Dầm chân BTCT, kích thước (25x50)cm, kết hợp đá hộc đỡ rồi	
20	Kết cấu mặt đê		BT M250
21	Kết cấu tường chắn		BTCT M200
22	Số công trình trên tuyến	cái	04
II.3	Cống Kênh chính Bắc		
1	Diện tích tưới	ha	500,0
2	Lưu lượng Q_{TK}	m ³ /s	0,919
3	Cống đầu kênh		
-	Chiều dài cống	m	24,20
-	Kích thước cống (bxh)	m	1,5 x 1,6
-	Cao trình đáy cống cửa vào, cửa ra	m	1,70
-	Kết cấu cống		BTCT M250

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
-	Cơ cấu vận hành	Cửa van thép+ máy vít me	
4	Kênh chính		
-	Chiều dài kênh	m	60,5
-	Độ dốc dọc kênh		0,0002
-	Kích thước kênh (bxh)	m	1,5x1,7
-	Kết cấu kênh	Kênh chữ nhật BTCT M200, dày 20cm	
-	Công trình trên tuyến	cái	02
-	Diện tích tưới	ha	500,0
II.4	Kiên cố Kênh chính Nam		
1	Cống đầu kênh		
-	Diện tích tưới	ha	430,0
-	Lưu lượng Q_{TK}	m ³ /s	0,79
-	Hình thức cống	Cống hộp BTCT	
-	Kích thước cống (bxh)	m	1,5 x1,6
-	Cao trình đáy cống cửa vào, cửa ra	m	1,40
-	Chiều dài cống	m	19,00
-	Kết cấu cống		BTCT M250, dày 25cm
-	Cơ cấu vận hành	Cửa van thép+ máy vít me	
2	Kênh chính		
-	Diện tích tưới	ha	412,00
-	Lưu lượng Q_{TK}	m ³ /s	0,757
-	Chiều dài kênh	m	1.984,00
-	Độ dốc dọc kênh		0,00014
-	Kích thước kênh	m	1,5x1,6
-	Hình thức và kết cấu kênh	Kênh chữ nhật BTCT M200, dày 20cm	
	Số công trình trên tuyến	cái	28
3	Kênh nhánh N2		
-	Chiều dài kênh	m	149,50
-	Độ dốc dọc kênh		0,00013
-	Kích thước kênh (bxh)	m	0,8x1,0
-	Hình thức và kết cấu kênh	Kênh chữ nhật BT M200, dày 20cm	

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
II.5	Hệ thống điện		
1	Đường dây điện 22kV	m	512,0
2	Trạm biến áp 100 KVA-22/0,4kV	Trạm	01
3	Đường dây điện chiếu sáng	m	136,0
II.6	Nhà quản lý vận hành và chứa phai		
1	Vị trí		Bờ tả đập
2	Diện tích xây dựng	m ²	111,80

8. Dự toán xây dựng: 111.762.984.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	92.329.570.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	2.683.248.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.704.184.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	5.283.007.000 đồng;
- Chi phí khác:	1.987.835.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	7.775.140.000 đồng.

9. Dự toán gói thầu xây dựng:

Dự toán gói thầu xây dựng được xác định dựa trên cơ sở dự toán xây dựng đã được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định tại Văn bản số 799/SNN-QLXDCT ngày 16/4/2020.

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu xây dựng được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2020	Dự toán gói thầu xây dựng	Tăng (+), Giảm (-)
1	Gói thầu số 01-XL: Thi công xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị	106.662.636.000	99.763.459.000	- 6.899.177.000
1.1	Chi phí xây dựng và thiết bị	101.583.463.000	95.012.818.000	- 6.570.645.000
1.2	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh 5%	5.079.173.000	4.750.641.000	- 328.532.000
2	Gói thầu số 01-BH: Bảo hiểm xây dựng công trình	1.046.310.000	978.632.000	- 67.678.000
3	Gói thầu số 02-RPBM: Thi công rà phá bom mìn và vật liệu nổ	400.000.000	405.307.000	+ 5.307.000

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh do tỉnh quản lý giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2023.

13. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Dự toán gói thầu xây dựng được phê duyệt theo Quyết định này thay thế giá gói thầu xây dựng theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu